

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Xét Tờ trình số 642/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với người học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN, người lao động trong doanh nghiệp tham gia giảng dạy trong các cơ sở GDNN có trụ sở chính đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn, các cơ sở GDNN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) trong thời hạn 01 năm (12 tháng) kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp, tiếp tục học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

c) Nhà giáo GDNN không phải là công chức, viên chức nhà nước (bao gồm: cơ hữu và thỉnh giảng); lao động trong doanh nghiệp tham gia giảng dạy trong các cơ sở GDNN có trụ sở chính đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi chung là nhà giáo GDNN), có đủ chuẩn về năng lực chuyên môn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Mỗi học sinh, sinh viên chỉ được hỗ trợ 01 lần khi tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hoặc trình độ trung cấp theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Mỗi nhà giáo GDNN chỉ được hưởng hỗ trợ 01 lần tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và 01 lần đánh giá kỹ năng nghề quốc gia theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

3. Chỉ hỗ trợ cho nhà giáo GDNN có Hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng xác định thời hạn nhưng thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian tối thiểu đủ 12 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng; sau khi nhà giáo GDNN hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và được cấp chứng chỉ, chứng nhận theo quy định của pháp luật; nhà giáo GDNN có thời gian tham gia và nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2025.

4. Trường hợp học sinh, sinh viên học đồng thời ở nhiều cơ sở GDNN thì chỉ được hưởng chính sách tại một cơ sở GDNN do học sinh, sinh viên lựa chọn. Thời gian được hưởng hỗ trợ theo thời gian học thực tế và không quá 10 tháng/1 năm học/1 học sinh, sinh viên, không quá 20 tháng/01 khóa học trình độ trung cấp và không quá 30 tháng/01 khóa học trình độ cao đẳng/01 học sinh, sinh viên. Đối với các chương trình đào tạo theo tín chỉ thì kinh phí được cấp theo thời gian đào tạo quy đổi nhưng không vượt quá thời gian đào tạo của ngành, nghề học và trình độ đào tạo tương đương theo hình thức niên chế.

5. Học sinh, sinh viên không được hưởng hỗ trợ học phí và chi phí học tập trong các trường hợp sau:

a) Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách không nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách theo quy định.

b) Bị kỷ luật buộc thôi học hoặc nghỉ học do ốm đau, tai nạn không thể tiếp tục theo học. Thời gian không được hưởng hỗ trợ học phí và chi phí học tập tính từ ngày quyết định buộc thôi học hoặc quyết định nghỉ học có hiệu lực.

c) Trong thời gian bị đình chỉ học tập (có thời hạn), trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận.

d) Trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

1. Mức hỗ trợ

a) Học sinh, sinh viên tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người khuyết tật; người không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội: mức hỗ trợ 400.000 đồng/1 học sinh, sinh viên/1 tháng.

b) Học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trình độ trung cấp: mức hỗ trợ 200.000 đồng/1 học sinh/1 tháng.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Xác nhận của cơ sở GDNN (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT (Bản sao chứng thực hoặc bản phô tô, xuất trình bản chính để đối chiếu).

Đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, ngoài các giấy tờ nêu trên phải bổ sung bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật do Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn cấp; đối với học sinh, sinh viên là người không có nguồn nuôi dưỡng, ngoài các giấy tờ nêu trên phải bổ sung bản sao Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng của Chủ tịch UBND huyện, thành phố cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Trước ngày 30 tháng 7 hằng năm, thủ trưởng cơ sở GDNN cấp Giấy xác nhận (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này) cho học sinh, sinh viên là đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ học phí và chi phí học tập.

b) Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ học phí và chi phí học tập nộp hồ sơ được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về UBND xã, phường, thị trấn nơi học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú để xác nhận. UBND xã, phường, thị trấn nơi học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, UBND cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn học sinh, sinh viên bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, UBND xã, phường, thị trấn nơi học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú có trách nhiệm xác nhận vào Đơn đề nghị (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này), lập danh sách kèm hồ sơ được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này gửi Bộ phận một cửa của UBND huyện, thành phố nơi học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố nơi học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố phê duyệt. Trong thời hạn 02 ngày làm việc Chủ tịch UBND huyện, thành phố ban hành Quyết định phê duyệt và quyết định chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng hưởng chính sách.

4. Phương thức và thời gian chi trả

a) Cơ quan thực hiện chi trả: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ đối tượng, tổ chức thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí học tập cho học sinh, sinh viên.

b) Thời gian chi trả: Kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí học tập được thực hiện mỗi năm 01 lần, trước ngày 30 tháng 8 hằng năm; trường hợp học sinh, sinh viên chưa được nhận kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo. Riêng kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hưởng chính sách từ ngày 01/8/2025 đến ngày 31/12/2025 thì được thanh toán trong năm 2026.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN theo khóa học nhưng không quá 04 triệu đồng/01 nhà giáo GDNN/01 khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; 01 lần tham gia đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Hợp đồng lao động (bản sao chứng thực).

Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (Bản sao chứng thực hoặc bản phô tô, xuất trình bản chính để đối chiếu).

Biên lai (hóa đơn) thu học phí.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Trong thời hạn 30 ngày (tính từ ngày cấp chứng chỉ, chứng nhận), nhà giáo GDNN nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ phận một cửa của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét quyết định hỗ trợ cho đối tượng được hưởng chính sách. Trường hợp không hỗ trợ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho nhà giáo GDNN.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết do ngân sách địa phương bảo đảm, cân đối dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

a) UBND huyện, thành phố thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc địa bàn quản lý.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách.

2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí: Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm lập dự toán, tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện chính sách cho đối tượng được hỗ trợ học phí và chi phí học tập gửi Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để báo cáo.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm lập dự toán, tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện chính sách cho đối tượng được hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; đánh giá kỹ năng nghề quốc gia gửi Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. UBND huyện, thành phố báo cáo định kỳ kết quả thực hiện chính sách hằng năm, gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm sau để tổng hợp, đánh giá hiệu quả chính sách, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

 **CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thu Hồng